BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 19: Từ 08-12 Đến 14-12-2025

LỚP			10A1_CK	10A2_CK	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 08-12	Sáng	1	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Ôn tập	Ôn tập	Ôn tập	Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Minh Khang (X22.302)	Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.103)	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	Lập trình Net2 Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		HỌC VH	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	HỌC VH
		2																	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)	
		3	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)															Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	
		4	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)															Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	
		5																	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	
	Chiều	6						Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Minh Khang (X22.302)									Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)				
		7																			
		8															Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)				
		9															CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)				
		10															HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.404)				
Thứ 3 09-12	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.402)	Ôn tập	Ôn tập	Ôn tập	Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Minh Khang (X22.302)	Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.103)	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	Lập trình Net2 Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		HỌC VH	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	HỌC VH
		2		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)																	
		3	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)																CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	
		4	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (H5.402)															Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	
		5																			
	Chiều	6						Tiếng Anh chuyên ngành (X22.302)									CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)				
		7															Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)				
		8																			
		9															Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.404)				
		10																			
Thứ 4 10-12	Sáng	1	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Ôn tập	Ôn tập	Ôn tập	Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Minh Khang (X22.302)	Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.103)	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	Lập trình Net2 Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		HỌC VH	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	HỌC VH
		2	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)																Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	
		3	CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)															Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.401)	
		4	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.402)																	
		5																	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	
	Chiều	6						Tiếng Anh chuyên ngành (X22.302)									Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)				
		7															Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.404)				
		8															Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.404)				
		9															Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)				
		10															Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				

LỚP			10A1_CK	10A2_CK	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 11-12	Sáng	1			Ôn tập	Ôn tập	Ôn tập	Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Minh Khang (X22.302)	Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.103)	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	Quản trị Web với CMS Wordpress Trần Xuân Phương (H3.204.TH KHOA TIN)	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.404)	HỌC VH			HỌC VH
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6						Tiếng Anh chuyên ngành (X22.302)								Quản trị Web với CMS Wordpress Trần Xuân Phương (H3.204.TH KHOA TIN)			Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)	
		7																			
		8																	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		9																	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	
		10																	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.404)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.404)	
Thứ 6 12-12	Sáng	1	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.402)	Ôn tập	Ôn tập	Ôn tập		Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.103)	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	Quản trị Web với CMS Wordpress Trần Xuân Phương (H3.204.TH KHOA TIN)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	HỌC VH			HỌC VH
		2		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)																	
		3	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)														CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				
		4	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.402)													Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)				
		5		CCĐ Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.402)													Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)				
	Chiều	6						Tiếng Anh chuyên ngành (X22.302)											HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 13-12	Sáng	1								TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN			HỌC VH			HỌC VH
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 14-12	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 19: Từ 08-12 Đến 14-12-2025

LỚP			63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐL3_VT	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 08-12	Sáng	1	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH		HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)			
		7																			
		8																Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			
		9																CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			
		10																HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.404)			
Thứ 3 09-12	Sáng	1	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH		HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)			
		7																Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			
		8																			
		9																Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.404)			
		10																			
Thứ 4 10-12	Sáng	1	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH		HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)			
		7																Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.404)			
		8																Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.404)			
		9																Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)			
		10																Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			

LỚP			63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐL3_VT	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 11-12	Sáng	1	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.404)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 12-12	Sáng	1	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH
		2																			
		3																CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.401)			
		4																Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)			
		5																Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.401)			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 13-12	Sáng	1	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH		HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 14-12	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 19: Từ 08-12 Đến 14-12-2025

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 08-12	Sáng	1		HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HỌC VH	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HỌC VH	HỌC VH	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.306)
		2		Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)
		3														Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)
		4		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)				Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)
		5																		Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)
	Chiều	6	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)																		
		7																			
		8	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)																		
		9	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)																		
		10	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.301)																		
Thứ 3 09-12	Sáng	1	Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	HỌC VH	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.303)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.303)	HỌC VH	HỌC VH	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)
		2							Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)												
		3	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)
		4							Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)		Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)						
		5	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)							CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 10-12	Sáng	1		Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	HỌC VH	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	HỌC VH	HỌC VH	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)
		2							Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.201)				Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)						
		3		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)											CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)	CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)
		4		Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.302)				Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)
		5																		Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.306)
	Chiều	6	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.301)																		
		7																			
		8	CCĐ Hóa học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)																		
		9	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)																		
		10																			

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 11-12	Sáng	1	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.301)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HỌC VH	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HỌC VH	HỌC VH	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.306)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 12-12	Sáng	1	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	CCĐ Hóa học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	HỌC VH	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Tin 12_1 Vũ Lệ Thu (H5.303)	Tin 12_1 Vũ Lệ Thu (H5.303)	HỌC VH	HỌC VH	CCĐ Vật lý 12_1 Chu Thị Tính (H5.306)	CCĐ Vật lý 12_1 Chu Thị Tính (H5.306)
		2		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)					Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)
		3	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)	Tin 12_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	Tin 12_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)				Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)				CCĐ Vật lý 12_1 Chu Thị Tính (H5.203)		CCĐ Vật lý 12_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.306)
		4	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)					Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.306)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.306)
		5	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.302)											Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)				
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 13-12	Sáng	1				HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH		HỌC VH	HỌC VH	HỌC VH		HỌC VH				HỌC VH	HỌC VH		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 14-12	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 19: Từ 08-12 Đến 14-12-2025

LỚP			63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 08-12	Sáng	1			HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)		TTDN	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.208.Phòng học PLC)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử tương tự Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	TTDN			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn ()	Thực hiện gia công tổng thể Lê Văn Nam (TT. Ngưội)
		2			Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)														
		3				CCĐ Hóa học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	CCĐ Hóa học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)														
		4			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.202)	Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.202)														
		5																			
	Chiều	6	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)					Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X22.103)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh ()	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Đặng Đình Hiên (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.111_TH THCB)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)
		7																			
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.402)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.402)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)											CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)
		9						Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)													
		10	HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.402)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.402)				HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.301)											HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)
Thứ 3 09-12	Sáng	1			Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.202)	TTDN	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.208.Phòng học PLC)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử tương tự Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	TTDN	Tiếng Nhật (H3.103)	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Đặng Đình Hiên (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn ()	Thực hiện gia công tổng thể Lê Văn Nam (TT. Ngưội)
		2			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)																
		3			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)													
		4			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)																
		5			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)			Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)													
	Chiều	6	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.301)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.301)						Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X22.103)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)			Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.111_TH THCB)	Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)
		7																			
		8	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.301)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.301)												Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)
		9	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.402)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.402)		Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)												Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)
		10	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)															Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)
Thứ 4 10-12	Sáng	1			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thùy (H5.201)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)		TTDN	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.208.Phòng học PLC)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử tương tự Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	TTDN	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Đặng Đình Hiên (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn ()	Thực hiện gia công tổng thể Lê Văn Nam (TT. Ngưội)
		2			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.201)																
		3				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)														
		4			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hõa (H5.202)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hõa (H5.202)														
		5																			
	Chiều	6	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.402)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.402)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.301)					Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X22.103)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh ()			Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.111_TH THCB)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)
		7																	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.204)
		8	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)				CCĐ Hóa học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)											Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)
		9	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hõa (H5.402)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hõa (H5.402)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)												Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)
		10																	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	

LỚP			63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 11-12	Sáng	1			HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.301)	TTDN	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.208.Phòng học PLC)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử tương tự Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	TTDN	Tiếng Nhật (H3.103)	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Đặng Đình Hiên (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.111_TH THCB)		Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn ()	Thực hiện gia công tổng thể Lê Văn Nam (TT. Nguội)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.402)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.402)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)						Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X22.103)		Tin học Nguyễn Đức Nam ()	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.202)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.204)
		7	CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)	CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)																Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	
		8	CCĐ Vật lý 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)	CCĐ Vật lý 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.301)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.301)												Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)		Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)
		9	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)															CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.204)
		10				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)												CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	
Thứ 6 12-12	Sáng	1			CCĐ Hóa học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	TTDN	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.208.Phòng học PLC)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử tương tự Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)	TTDN	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Đặng Đình Hiên (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.111_TH THCB)	Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (TT. Nguội)		
		2			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.201)																
		3			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)													
		4			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)													
		5						Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)													
	Chiều	6	HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.402)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.402)		HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)								Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)					
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 13-12	Sáng	1							TTDN					TTDN					Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (TT. Nguội)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 14-12	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 19: Từ 08-12 Đến 14-12-2025

LỚP			64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 08-12	Sáng	1		Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Tách: Năng lượng tái tạo-1-1-2025(N04) Nguyễn Văn Tỉnh (...) Năng lượng tái tạo-1-1-2025(N05) Hoàng Văn Quân (...)				Vẽ kỹ thuật Phạm Đức Tùng (X22.102)	Bộ biến đổi AC/DC Phạm Ngọc Ánh (X22.303.LTCM)		Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Marketing Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)				
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N04) Nguyễn Trung Tuệ (...) Trang bị điện -1-1-2025(N05) Hoàng Văn Hùng (...)	Tách: Máy điện-1-1-2025(N05) Cao Thị Thu (...) Máy điện-1-1-2025(N06) Phạm Quang Thắng (...)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Máy điện Lê Trung Thịnh (X22.303.LTCM)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Lắp đặt hệ thống điện - nước tòa nhà Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	
		7		Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)								Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)									
		8			CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)			CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)		CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng ()
		9		HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)			HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)		HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)		HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.304)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)			HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)	
		10																			
Thứ 3 09-12	Sáng	1			Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Tách: Năng lượng tái tạo-1-1-2025(N04) Nguyễn Văn Tỉnh (...) Năng lượng tái tạo-1-1-2025(N05) Hoàng Văn Quân (...)				Vẽ kỹ thuật Phạm Đức Tùng (X22.102)	Bộ biến đổi AC/DC Phạm Ngọc Ánh (X22.303.LTCM)		Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Marketing Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)				
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)	Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N04) Nguyễn Trung Tuệ (...) Trang bị điện -1-1-2025(N05) Hoàng Văn Hùng (...)	Tách: Máy điện-1-1-2025(N05) Cao Thị Thu (...) Máy điện-1-1-2025(N06) Phạm Quang Thắng (...)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Máy điện Lê Trung Thịnh (X22.303.LTCM)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		Lắp đặt hệ thống điện - nước tòa nhà Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	
		7						Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)						Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.406)			Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)				
		8		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)			Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)		CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)			Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.303)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng ()
		9		Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)		Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)				
		10		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)		CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.406)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)			CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	
Thứ 4 10-12	Sáng	1		Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Tách: Năng lượng tái tạo-1-1-2025(N04) Nguyễn Văn Tỉnh (...) Năng lượng tái tạo-1-1-2025(N05) Hoàng Văn Quân (...)			Ktra: Mỹ thuật cơ bản-1-1-2025(N01) Lê Sơn Thảo (H3.108_CNTT)		Bộ biến đổi AC/DC Phạm Ngọc Ánh (X22.307)			Marketing Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)				Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.401)	Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N04) Nguyễn Trung Tuệ (...) Trang bị điện -1-1-2025(N05) Hoàng Văn Hùng (...)	Tách: Máy điện-1-1-2025(N05) Cao Thị Thu (...) Máy điện-1-1-2025(N06) Phạm Quang Thắng (...)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	Máy điện Lê Trung Thịnh (X22.303.LTCM)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)		Lắp đặt hệ thống điện - nước tòa nhà Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	
		7		CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)								Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)		CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.204)					
		8		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.401)			Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.304)	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)			CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Thuế Trần Huy Quảng ()
		9		CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)		Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.302)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.302)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)		Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)				
		10		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)									Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)						Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	

LỚP			64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 11-12	Sáng	1	Thực hiện gia công tổng thể Chu Mạnh Vinh ()		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Tách: Năng lượng tái tạo-1-1-2025(N04) Nguyễn Văn Tình (...) Năng lượng tái tạo-1-1-2025(N05) Hoàng Văn Quân (...)			Nguyên lý tạo hình Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Vẽ kỹ thuật Phạm Đức Tùng (X22.102)	Bộ biến đổi AC/DC Phạm Ngọc Ánh (X22.307)						Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Thực hiện gia công tổng thể Chu Mạnh Vinh (TT. Nguội)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Máy điện Lê Trung Thịnh (X22.303.LTCM)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Lắp đặt hệ thống điện - nước tòa nhà Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	
		7		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.201)																Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	
		8		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.302)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.302)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.406)		Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Thuế Trần Huy Quảng ()
		9			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.401)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)		Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)		Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)			Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	
		10		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)					CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)			CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)						Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	
Thứ 6 12-12	Sáng	1		Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)				Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Tách: Năng lượng tái tạo-1-1-2025(N04) Nguyễn Văn Tình (...) Năng lượng tái tạo-1-1-2025(N05) Hoàng Văn Quân (...)			Nguyên lý tạo hình Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Ktra: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2025(N02) Nguyễn Minh Khang (X22.109)						Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang ()		Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)								Nguyên lý tạo hình Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Vẽ kỹ thuật Phạm Đức Tùng (X22.101)		Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)			Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang ()			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 13-12	Sáng	1													Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)			Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang ()			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6													Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)			Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang ()			
		7																			
		8													Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)						
		9																			
		10																			
Chủ nhật 14-12	Sáng	1													Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)						
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6													Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)						
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 19: Từ 08-12 Đến 14-12-2025

LỚP			64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65CCK1	65CCT1	65CĐC1	65CĐH1	65CĐL1	65CĐP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 08-12	Sáng	1		Photoshop Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)				Ktra: Kỹ thuật điện – điện tử-1-1-2025(N05) Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)			HỌC VH	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Soạn thảo văn bản điện tử Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Lập trình căn bản Quách Thu Thảo (H3.111_TH THCB)	Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.209.TH Tin học)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (X22.301.LTCM)	Khí cụ điện (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (X22.301.LTCM)		Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.108_CNTT)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ktra: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2025(N01) Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.109_CNTT)	Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)					Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H5.104)	
		7	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)						
		8				CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)						
		9	HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.304)		HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)						
		10																			
Thứ 3 09-12	Sáng	1	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)	Photoshop Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H3.201_TH KTXS)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Văn Khoa (H2.302_TH QTM)			HỌC VH	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Soạn thảo văn bản điện tử Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.209.TH Tin học)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (X22.301.LTCM)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (X22.301.LTCM)		Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.108_CNTT)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)			Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.107_CNTT)		Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H5.104)	
		7							Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.406)												
		8	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.303)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.403)						
		9		Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)						
		10	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.406)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)								
Thứ 4 10-12	Sáng	1	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)	Photoshop Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H3.201_TH KTXS)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Văn Khoa (H2.302_TH QTM)			HỌC VH	Bảo trì máy tính Hoàng Tùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Soạn thảo văn bản điện tử Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.107_CNTT)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (X22.303.LTCM)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (X22.303.LTCM)		Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.208)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.401)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.403)			Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.107_CNTT)		Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H5.104)	
		7		CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)			CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)						
		8	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.401)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)								
		9	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)			Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)						
		10		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)						

LỚP			64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65CCK1	65CCT1	65CĐC1	65CĐH1	65CĐL1	65CĐP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 11-12	Sáng	1	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)			Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H3.201_TH KTXS)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Văn Khoa (H2.302_TH QTM)			HỌC VH	Bảo trì máy tính Hoàng Tùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Soạn thảo văn bản điện tử Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.107_CNTT)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.101)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (X22.303.LTCM)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (X22.303.LTCM)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.202)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.403)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.403)			Tiếng anh 1 Trần Thu Hướng (H3.107_CNTT)		Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H5.104)	
		7	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.201)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)					Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)						
		8	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)		Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.406)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.403)						
		9	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.401)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)		Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)								
		10	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)			Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)			CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.403)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.403)						
Thứ 6 12-12	Sáng	1				Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H3.201_TH KTXS)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Văn Khoa (H2.302_TH QTM)			Tin học Nguyễn Đức Nam ()	Bảo trì máy tính Hoàng Tùng (H2.301_TH LR Máy tính)		Lập trình căn bản Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)		Tiếng anh 1 Trần Thu Hướng (H3.108_CNTT)			Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.208)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6									Tin học Nguyễn Đức Nam ()	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.109_CNTT)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.107_CNTT)						
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 13-12	Sáng	1									Tin học Nguyễn Đức Nam ()										
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 14-12	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 19: Từ 08-12 Đến 14-12-2025

LỚP			65CĐT1	65CKT1	65CLG1	65CS1	65CTT1	65CTW1	65LCCT1	65LCĐC1	65LCĐC2	65LCĐL1	65LCĐL2	65LCĐT1	65LCĐT2	65LCGK1	65LCGK2	65LCGK3	65LCKT1	65LCKT2	65LCLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 08-12	Sáng	1		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.108_CNTT)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.108_CNTT)	TTDN	TTDN	TTDN		TTDN	Mạng truyền thông công nghiệp Lê Kiên Cường (X22.203)	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H5.104)			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)						Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Đặng Duy Thanh (X22.309)									
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 3 09-12	Sáng	1		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.108_CNTT)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.108_CNTT)	TTDN	TTDN	TTDN		TTDN	Mạng truyền thông công nghiệp Lê Kiên Cường (X22.203)	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H5.104)			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)						Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Đặng Duy Thanh (X22.309)									
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 10-12	Sáng	1				Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.208)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.208)	TTDN	TTDN	TTDN	Tính toán và lựa chọn hệ thống làm lạnh Triệu Đình Sơn (X22.301.LTCM)	TTDN	Mạng truyền thông công nghiệp Lê Kiên Cường (X22.203)	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H5.104)			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)						Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Đặng Duy Thanh (X22.309)									
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

LỚP			65CĐT1	65CKT1	65CLG1	65CS1	65CTT1	65CTW1	65LCCT1	65LCĐC1	65LCĐC2	65LCĐL1	65LCĐL2	65LCĐT1	65LCĐT2	65LCGK1	65LCGK2	65LCGK3	65LCKT1	65LCKT2	65LCLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 11-12	Sáng	1		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.101)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.101)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yến (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)			TTDN	TTDN	TTDN	Tính toán và lựa chọn hệ thống làm lạnh Triệu Đình Sơn (X22.301.LTCM)	TTDN	Mạng truyền thông công nghiệp Lê Kiên Cường (X22.203)	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H5.104)			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)						Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Đặng Duy Thanh (X22.309)									
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 12-12	Sáng	1		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yến (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.208)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.208)	TTDN	TTDN	TTDN	Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Đặng Duy Thanh (X22.309)	TTDN	Mạng truyền thông công nghiệp Lê Kiên Cường (X22.203)	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)						Tính toán và lựa chọn hệ thống làm lạnh Triệu Đình Sơn (X22.301.LTCM)									
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 13-12	Sáng	1							TTDN	TTDN	TTDN		TTDN		TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 14-12	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 19: Từ 08-12 Đến 14-12-2025

LỚP			65LCMT1	65LCQM1	65LCQM2	65LCS1	65LCS2	65LCVP1	65TCK1	65TCK1B	65TCK2	65TCK3	65TĐC1	65TĐC2	65TĐC3_YL	65TĐH1	65TĐL1	65TĐP1	65TĐT1	65TĐT2	65THA1B
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 08-12	Sáng	1	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.407)	HN	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.102)	An toàn điện Chu Quốc Thái ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Tuyến (H5.106)	
		2																			
		3							Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Công nghệ 10_1 Trần Thị Bích Hậu (H5.107)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.102)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Trần Thị Bích Hậu (H5.107)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	
		4									Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.101)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.102)		CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	
		5							Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)				Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.102)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	
	Chiều	6										Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.102)						Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Văn Chiều (X22.102)	Lắp ráp mạch điện tử Phạm Ngọc Ánh (X22.107.LTCM)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 3 09-12	Sáng	1	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	HN	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.101)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.107)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	An toàn điện Chu Quốc Thái ()	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.307)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.107)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.106)	
		2											Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)			Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.107)			
		3							Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.101)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.107)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)		Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.107)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.106)	
		4							Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.407)				Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.102)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.103)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	
		5									CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)					CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	
	Chiều	6							Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.102)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.103)				Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX3)		Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Văn Chiều (X22.102)	An toàn lao động Bùi Công Kết (X22.307)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 10-12	Sáng	1	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.407)	HN	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.107)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.102)	An toàn điện Chu Quốc Thái ()	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.107)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.106)	
		2									Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)			Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.102)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	
		3							CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)		Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.107)				Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.301)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.107)			
		4							Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.407)		CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)		Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)		Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	
		5							CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.407)		Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.101)				Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)					
	Chiều	6							Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)		Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)	Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)				Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)	Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Văn Chiều (X22.102)	An toàn lao động Bùi Công Kết (X22.307)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

LỚP			65LCMT1	65LCQM1	65LCQM2	65LCS1	65LCS2	65LCVP1	65TCK1	65TCK1B	65TCK2	65TCK3	65TĐC1	65TĐC2	65TĐC3_YL	65TĐH1	65TĐL1	65TĐP1	65TĐT1	65TĐT2	65THA1B
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 11-12	Sáng	1	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)	HN	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)			Tin học ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)				HN
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6							Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.101)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)					Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.102)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX3)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Ngọc Hùng (H3.208)	Ktra: An toàn lao động-1-1-25(N05) Lưu Quang Hưng (...)	An toàn lao động Bùi Công Kết (X22.307)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 12-12	Sáng	1	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	HN	Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.107)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Tin học ()	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.107)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.103)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.106)	
		2							Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)			Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.107)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.107)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.106)	
		3							Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)		CCĐ Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)		Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.106)	
		4									Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.403)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.106)	
		5							Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.407)							CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)					
	Chiều	6							Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.101)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)					Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H5.104)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Ngọc Hùng (H3.208)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Văn Chiều (X22.102)	Ktra: Lắp ráp mạch điện tử-1-1-25(N02) Phạm Ngọc Ánh (X22.103)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 13-12	Sáng	1	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN	TTDN		Kỹ năng mềm và Hội nhập nghề nghiệp Nguyễn Văn Bảy ()					Tin học ()					Gia công kim loại tấm Hồ Sĩ Khương ()	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																		Gia công kim loại tấm Hồ Sĩ Khương ()	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 14-12	Sáng	1																		Gia công kim loại tấm Hồ Sĩ Khương ()	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																		Gia công kim loại tấm Hồ Sĩ Khương ()	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 19: Từ 08-12 Đến 14-12-2025

LỚP			65TKT1	65TKT2	65TLG1	65TMT1	65TQM1	65TQM2	65TS1	65TS2	65TS3_SD	65TSĐ1	65TTA1	65TTA2	65TTW1	65TVP1	65TVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 2 08-12	Sáng	1	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.407)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Tuyên (H5.106)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.102)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	HỌC VH	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)
		2															
		3	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.102)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.404)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.104)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.404)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.102)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.304)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)
		5	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.102)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)				Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)		
	Chiều	6		Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.206_Khoa SP-KT)		Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.101)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.101)				Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.102)	
		7															
		8															
		9															
		10															
Thứ 3 09-12	Sáng	1	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.104)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.106)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.104)	HỌC VH	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.101)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.403)
		2		Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (H5.104)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.301)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (H5.104)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)		Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.304)			
		3	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.106)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.404)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.404)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.101)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.403)
		4	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.407)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.102)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.404)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.404)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)		
		5			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)								Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.304)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.403)
	Chiều	6	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.206_Khoa SP-KT)	Tin học Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.101)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.101)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX3)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.103)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.102)
		7															
		8															
		9															
		10															
Thứ 4 10-12	Sáng	1	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.407)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.106)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.301)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	HỌC VH	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		2		CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.102)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)		Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)
		3	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.104)			Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.404)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.301)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.104)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.404)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.304)		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)
		4	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.407)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	CCĐ Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		5	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.407)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.101)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)
	Chiều	6	Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)	Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.206_Khoa SP-KT)	Tin học Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)	Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)			Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)	Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)	Pháp luật Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (THUVIEN_Tang 2)
		7															
		8															
		9															
		10															

LỚP			65TKT1	65TKT2	65TLG1	65TMT1	65TQM1	65TQM2	65TS1	65TS2	65TS3_SD	65TSĐ1	65TTA1	65TTA2	65TTW1	65TVP1	65TVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 5 11-12	Sáng	1	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)				Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)			HỌC VH	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)	Tiếng Anh cơ sở Trần Thu Hường (H5.104)	Tiếng Anh cơ sở Trịnh Thị Kim Thu (H5.103)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (THUVIEN_Tang 2)
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.101)	Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.206_Khoa SP- KT)	Tin học Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Ngọc Hùng (H3.208)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)					Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.102)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)
		7															
		8															
		9															
		10															
Thứ 6 12-12	Sáng	1	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.104)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.106)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.104)	HỌC VH	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)	Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)
		2	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.106)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)		Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.104)				Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)		Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	
		3	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.104)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.404)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.104)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.404)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	CCĐ Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)
		4		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.104)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.106)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.404)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.104)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.404)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.403)
		5	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.407)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.104)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.404)			CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.104)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.404)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)		
	Chiều	6	Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.101)	Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.206_Khoa SP- KT)		Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Ngọc Hùng (H3.208)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)	Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H5.104)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)	Tiếng Anh cơ sở Trần Thu Hường (H5.103)	Tiếng Anh cơ sở Trịnh Thị Kim Thu (H5.102)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	
		7															
		8															
		9															
		10															
Thứ 7 13-12	Sáng	1									HỌC VH						
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6															
		7															
		8															
		9															
		10															
Chủ nhật 14-12	Sáng	1															
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6															
		7															
		8															
		9															
		10															